|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**HỘI NÔNG DÂN TỈNH NGHỆ AN**BCH HỘI NÔNG DÂN HUYỆN…****\***Số - BC/HNDT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***……….., ngày tháng năm 202..* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Công tác Hội và phong trào nông dân 6 tháng đầu năm**

**nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 202……**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM 202…..**

|  |
| --- |
| **A- TÌNH HÌNH NÔNG DÂN, NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN** |

***I- Tình hình nông dân***

***II- Tình hình sản xuất nông nghiệp***

***III- Tình hình nông thôn***

**B- KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 202**

**I- Xây dựng Hội và giai cấp nông dân Việt Nam**

***1- Về công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng***

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Kết quả tổ chức quán triệt, triển khai học tập, thực hiện Nghị quyết của Hội Nông dân…..(nếu có).

**- Việc tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân**triển khai phòng chống dịch bệnh …….

**- Hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, hội viên, nông dân.**

**- Những mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân.**

- Công tác phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng đưa tin tuyên truyền.

***2- Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội***

- Tình hình thực hiện chế độ sinh hoạt của ban thường vụ, ban chấp hành các cấp; sinh hoạt chi hội; tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt định kỳ; thuận lợi, khó khăn trong sinh hoạt, hoạt động của chi hội. Các phong trào do hội tổ chức ở cơ sở.

Việc sáp nhập hội cấp xã, chi hội. Tổng số hội cơ sở, chi hội hiện nay.

- Kết quả thành lập Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp.

- Công tác phát triển hội viên. Việc giới thiệu hội viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp vào Đảng:

 - Xây dựng quỹ Hội.

 - Công tác tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội: Số lớp, số lượng người tham gia, đối tương được tập huấn.

***3- Công tác kiểm tra, giám sát***

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 202..

- Kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Số cuộc kiểm tra, giám sát ( trong đó, cấp huyện tổ chức bao nhiêu cuộc, cơ sở tổ chức bao nhiêu cuộc)

+ Nội dung kiểm tra, giám sát.

+ Số vụ có vi phạm được phát hiện. (*nêu cụ thể nếu có*).

+ Số vụ việc phải xử lý kỷ luật *(nêu rõ các hình thức kỷ luật nếu có).*

**II- Vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới**

***1- Kết quả triển khai phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững***

 - Việc tổ chức cho hội viên đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Kết quả đăng ký hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi (tổng số hộ đăng ký phấn đấu SXKDG? So sánh tỷ lệ % với tổng số hộ hội viên)

- Các hoạt động của tổ chức hội tạo môi trường giúp hội viên, nông dân phấn đấu đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi

- Những mô hình mới đạt hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

- Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt qua khó khăn, thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

 - Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức giúp hộ hội viên thoát nghèo, kết quả cụ thể về giúp đỡ ngày công, tiền, cây, con giống…

***2- Xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế***

- Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, nông nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ cao.

- Kết quả vận động, hướng dẫn nông dân thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã.

***3- Vận động nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới***

**- Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn**; kết quả xây dựng mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo chỉ tiêu giao.

- Vận động nông dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Kết quả triển khai thực hiện xây dựng “ Vườn chuẩn nông thôn mới”, “ Vườn mẫu nông dân”;

- Kết quả xây dựng “Hàng cây nông dân ơn Bác”.

- Kết quả triển khai chương trình “Một triệu cây xanh, nông dân Nghệ An đời đời ơn Bác” giai đoạn 2021-2023.

 - Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường…. (nếu có)

- Vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hóa, tham gia xây dựng thôn, bản, làng, xã văn hóa. Việc tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao trong hội viên, nông dân; phát động hội viên, nông dân tham gia xây dựng công trình văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- Tham gia thực hiện các chương trình về môi trường nông thôn, y tế, giáo dục, an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, bình đẳng giới, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, giáo dục trẻ em…

***4- Hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh***

*4.1. Xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân*

- Kết quả phát triển nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân (số tiền ngân sách cấp, số tiền vận động đã báo cáo về huyện để quản lý); hiệu quả sử dụngquỹ.

- Kết quả nhận ủy thác ngân hàng chính sách - xã hội cho hội viên, nông dân vay vốn.

*4.2. Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân*

 Việc phối hợp mở các lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho hội viên, nông dân.

*4.3. Hoạt động cung ứng vật tư, thiết bị nông nghiệp*

- Kết quả phối hợp cho nông dân vay vật tư, phân bón, giống , vật tư nong nghiệp…. phục vụ sản xuất

*4.4. Hỗ trợ hội viên, nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm*

- Những mô hình, cách làm sáng tạo để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Hỗ trợ nông dân xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu nông sản.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết, mở rộng thị trường, tiêu thụ nông sản.

*4.6. Kết quả công tác tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân.*

**III- Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

*1- Tham gia xây dựng Đảng****,*** *xây dựng chính quyền*

- Việc thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TWvà Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Bồi dưỡng, giới thiệu hội viên nông dân xuất sắc cho Đảng xem xét, kết nạp.

***2- Tham gia xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân và*** *phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cấp ủy, chính quyền hướng dẫn nông dân tham gia tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân (số cuộc đối thoại? nội dung? hình thức? kết quả…).

**IV- Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

- Phối hợp với quân đội, công an thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh Tổ quốc; vận động nông dân tố giác tội phạm, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội…

- Thực hiện chính sách “Hậu phương quân đội”; các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”.

**C- Đánh giá chung**

*1- Những kết quả nổi bật*

*2- Những hạn chế, yếu kém (cần đánh giá cụ thể trên các mặt mà được giao chỉ tiêu)*

*3- Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém.*

***(Lưu ý, trong quá trình xây dựng báo cáo, ngoài việc bám vào đề cương này, các huyện, thành, thị hội chú ý nêu những kết quả nổi bật, cách làm hay, nét đổi mới, sáng tạo trong công tác hội và phong trào nông dân của đơn vị mình.)***

**Phần thứ hai**

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC HỘI**

**VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN 6 THÁNG CUỐI NĂM 202….**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

 *Trên cơ sở kết quả công tác hội và phong trào nông dân đạt được trong 6 tháng đầu năm, đối chiếu với các chỉ tiêu được giao của cả năm 202… kết hợp những nhiệm vụ mới do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, cấp ủy, chính quyền giao; căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, các huyện, thành, thị hội xác định nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đi kèm trong 6 tháng cuối năm nhằm thực hiện kế hoạch đã đề ra, tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong công tác Hội và phong trào nông dân năm 202…..*

***Trong đó lưu ý một số việc:***

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyềnvềcác sự kiện trong đại của đất nước, của Hội và của địa phương…….; tuyên truyền truyền thống, Hội Nông dân Việt Nam. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tốt các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam …

2. Củng cố nề nếp, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi hội. Quan tâm tổ chức hội ở những nơi mới sáp nhập đơn vị hành chính. Tổ chức tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ hội.

3. Tích cực chỉ đạo xây dựng, phát triển chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ hội nông dân nghề nghiệp. Chú trọng công tác phát triển hội viên; bồi dưỡng hội viên xuất sắc giới thiệu cho Đảng xem xét, kết nạp.

4. Triển khai các Kế hoạch của Hội Nông dân tỉnh về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở hội, chất lượng hội viên…….

5. Thực hiện công tác giám sát, phản biện

6. Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng “ Hàng cây nông dân ơn Bác”, vườn chuẩn nông thôn mới, đẩy mạnh phong trào xây dựng ‘ Vườn mẫu nông dân”. Đẩy mạnh phong trào nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

7 Tiếp tục triển khai chương trình “Một triệu cây xanh, nông dân Nghệ An đời đời ơn Bác” giai đoạn 2021-2023; Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường…. (nếu có)

8. Triển khai Đề án của UBND tỉnh về “ Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn”

9. Tổ chức hội nghị biểu dương điển hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp giai đoạn ….(nếu có).

10. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ nông dân, nhất là hoạt động cho nông dân vay phân bón, dạy nghề, tập huấn KHKT, nhận ủy thác ngân hàng chính sách- xã hội cho hội viên vay vốn.

11. Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước

……………………………………………..

**\* ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Những kiến nghị, đề xuất với Đảng, Nhà nước và Trung ương Hội, Tỉnh hội *(nếu có).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | T/M BAN THƯỜNG VỤ*(Ký tên và đóng dấu)* |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM** HỘI NÔNG DÂN TỈNH NGHỆ AN**BCH HỘI NÔNG DÂN HUYỆN……….****\*** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Nghệ An, ngày tháng năm 202* |

**BIỂU SỐ LIỆU**

**Kết quả công tác Hội và phong trào nông dân 6 tháng đầu năm 202**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| I | XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG SẠCH VỮNG MẠNH |
| **1** | **Công tác Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng:** |
| 1.1 | - Số buổi tuyên truyền | Buổi |  |  |
|  | - Số hội viên, nông dân tham gia | lượt người |  |  |
| 1.2 | - Số chi Hội có Báo Nông thôn ngày nay | chi Hội |  |  |
|  |  Chiếm số % trên tổng số chi Hội | % |  |  |
| **2** | **Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội:** |  |  |  |
| 2.1 | - Tổng số hội viên | hội viên |  |  |
|  |  - Kết nạp hội viên mới  | hội viên |  |  |
|  | - Số hội viên được kết nạp Đảng  | hội viên |  |  |
| 2.2 | - Tổng số cơ sở hội |  |  |  |
| 2.3 | - Tổng số chi hội |  |  |  |
|  | + Trong đó, Chi hội nông dânghề nghiệp | Chi hội |  |  |
| + Số Chi hội nông dânghề nghiệp mới thành lập | Chi hội |  |  |
| - Tổng số Tổ hội nông dân nghề nghiệp | Tổ hội |  |  |
| + Số tổ hội thành lập mới | Tổ hội |  |  |
| 2.4 | Xây dựng Quỹ Hội |  |  |  |
|  | - Số chi Hội có Quỹ Hội | chi Hội |  |  |
|  |  Chiếm số % trong tổng số chi Hội | % |  |  |
| 2.5 | Đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội |  |  |  |
|  | - Số cán bộ Hội chuyên trách được đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ | Người |  |  |
|  | - Hội trực tiếp mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội  | lớp |  |  |
|  |  Lựơt cán bộ dự học | Lượt người |  |  |
|  | - Hội phối hợp mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ khác | lớp |  |  |
|  | Lượt cán bộ dự học | Lượt người |  |  |
| **3.** | **Công tác Kiểm tra, giám sát**  |  |  |  |
| 3.1 | - Tổng số cuộc kiểm tra | Cuộc |  |  |
|  | - Số vụ vi phạm  | Vụ |  |  |
|  | - Số vụ đã được xử lý | Vụ |  |  |
|  | ...... |  |  |  |
| 3.2 | Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý: |  |  |  |
|  | - Số buổi  | Buổi |  |  |
|  | - Số lượt người  | Lượt người |  |  |
| 3.3 |  Tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo  |  |  |  |
|  | - Số đơn thư gửi đến Hội | đơn  |  |  |
|  | - Số đơn thư phối hợp giải quyết | đơn |  |  |
|  | - Số vụ Hội trực tiếp hòa giải thành  | vụ |  |  |
| 3.4 | Phối hợp tổ chức đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nông dân |  |  |  |
|  | - Số cuộc được tổ chức: | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND tỉnh tổ chức | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND cấp huyện tổ chức | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND cấp xã tổ chức | Cuộc |  |  |
| II | VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG |
| **1** | **Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững** |
| 1.1 | - Số hộ nông dân đăng ký phấn đấu SXKD giỏi các cấp | hộ |  |  |
| 1.2 | Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt khó, thoát nghèo: |
|  | - Tổng số tiền quyên góp, hỗ trợ | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng số ngày công  | Ngày |  |  |
|  | - Số vật tư (cây, con giống), lương thực... giúp đỡ hỗ trợ, tính giá trị thành tiền | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số hộ được Hội trực tiếp giúp đỡ | hộ |  |  |
| **2** | **Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, dạy nghề cho nông dân phát triển sản xuất** |
| 2.1 | Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân (Quỹ HTND) |  |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND của Trung ương Hội ủy thác (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND cấp tỉnh (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số tiền Quỹ HTND cấp tỉnh tăng trưởng (*trong 6 tháng đầu năm 2020).* | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND cấp huyện (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số tiền Quỹ HTND cấp huyện tăng trưởng (*trong 6 tháng đầu năm )* | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số mô hình, dự án được vay vốn Quỹ HTND | Dự án |  |  |
|  | - Số lượt hộ được vay vốn Quỹ HTND  | hộ |  |  |
|  | - Số tiền được vay | Triệu đồng |  |  |
| 2.2 | Kết quả phối hợp với các Ngân hàng*(số liệu trong kỳ báo cáo)* |
| a | - Số tiền được vay qua NH chính sách XH | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ được vay qua NH chính sách XH | Hộ |  |  |
| b | - Số tiền được vay qua NH Nông nghiệp | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ được vay qua NH Nông nghiệp | Hộ |  |  |
| c | - Số tiền vay qua các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ vay qua các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác | Hộ |  |  |
| 2.3 | Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân |  |  |  |
|  | - Số lớp Hội trực tiếp đào tạo | Lớp |  |  |
|  | - Số người dự học | Người |  |  |
|  | - Số lớp Hội phối hợp đào tạo | Lớp |  |  |
|  | - Số người dự học | Người |  |  |
|  | - Số nông dân sau đào tạo nghề có việc làm | Người |  |  |
| 2.4 | Hỗ trợ hội viên, nông dân tiếp cận tiến bộ KHCN |  |  |  |
|  |  - Tổ chức các buổi tư vấn, tập huấn KHKT | Buổi |  |  |
|  | - Số hội viên, nông dân tham dự | Người |  |  |
|  | - Số mô hình SX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị được Hội hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng  | Mô hình |  |  |
|  | - Tổ chức hội chợ quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp | Cuộc |  |  |
| 2.5 | Phối hợp cung ứng vật tư đầu vào, máy nông nghiệp hỗ trợ nông dân sản xuất |  |  |  |
| a | Số lượng phân bón | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| b | Số lượng giống  | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| c | Số lượng thuốc BVTV | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| d | Số lượng máy nông nghiệp | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| **3** | **Vận động nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp** |
|  | - Số Hợp tác xã do HND vận động, hướng dẫn thành lập mới (*trong 6 tháng đầu năm*) | HTX |  |  |
|  | - Số Tổ hợp tác do HND vận động, hướng dẫn thành lập mới (*trong 6 tháng đầu năm*) | THT |  |  |
|  | - Số chi Hội Nông dân nghề nghiệp được thành lập mới (*trong 6 tháng đầu năm)* | chi Hội |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia | Người |  |  |
|  | - Số tổ Hội Nông dân nghề nghiệpđược thành lập mới (*trong 6 tháng đầu năm )* | tổ Hội |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia | Người |  |  |
| **4** | Vận động nông dân thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường *(Chưa có số liệu)* |
| 4.1 | - Tổng số hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa | hộ |  |  |
|  | - Số hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa | hộ |  |  |
| 4.2 | Vận động nông dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn*(Chưa có số liệu)* |
|  | - Tổng số tiền do nông dân đóng góp | triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng số ngày công lao động | công |  |  |
|  | - Tổng số Hàng cây nông dân ơn Bác | m2 |  |  |
|  | + Chiều dài hàng cây | km |  |  |
|  | - Số cơ sở triển khai được Chương trình 1 triêu cây xanh.. |  Cơ sở |  |  |
|  | + Số cây đã trồng được | cây |  |  |
|  | - Số vườn mẫu, vườn đẹp do hội xây dựng/6 tháng đ.năm | Vườn |  |  |
| 4.3 | Vận động hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn |
|  | - Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản đăng ký, cam kết đảm bảo đảm an toàn VSTP | Hộ |  |  |
|  | - Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản được công nhận đảm bảo đảm an toàn VSTP | Hộ |  |  |
| 4.4 | Vận động nông dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế |
|  | - Tổng số hội viên tham gia đóng bảo hiểm y tế | Hội viên |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia đóng bảo hiểm xã hội (*trong 6 tháng đầu năm)* | Hội viên |  |  |
| 4.5 | Hướng dẫn xây dựng mô hình Hội Nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn |
|  | - Số mô hình xây dựng mới (*trong 6 tháng đầu năm)* | Mô hình |  |  |
| III | THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH |
| **1** | **Thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc** |
| 1.1 | - Số buổi Hội tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên nông dân về nhiệm vụ QP - AN | Buổi |  |  |
|  | - Số người tham dự | Lượt người |  |  |
| 1.2 | - Tổng số mô hình tự quản về an ninh, trật tự do HND vận động, hướng dẫn thành lập (*trong 6 tháng đầu năm)* | Mô hình |  |  |
| 1.3 | Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, công tác đền ơn đáp nghĩa |
|  | - Số gia đình chính sách được thăm hỏi | Hộ |  |  |
|  | - Số quà tặng trị giá thành tiền | triệu đồng |  |  |
|  | - Hội vận động xây dựng nhà tình nghĩa | nhà |  |  |
|  | - Giá trị thành tiền | triệu đồng |  |  |